

Số : 09 /TM-TTYT

Đak Pơ, ngày 17 tháng 4 năm 2024

## THƯ YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế Huyện Đak Pơ hiện đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu “ **Mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024-2025**”.

Kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có đủ kinh nghiệm, năng lực cung cấp hàng hóa xem xét tham gia chào giá gửi hồ sơ báo giá về Trung tâm y tế huyện Đak Pơ với nội dung cụ thể như sau:

### I/ Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ  
Địa chỉ: 100 Võ Nguyên Giáp, Tổ dân phố 2, Thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, Tỉnh Gia Lai.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:  
Họ và tên: Nguyễn Nam Trường  
Chức vụ: Phó Trưởng Khoa Dược – TTB – VTYT  
Điện thoại: 0979.419.460  
Email: [namtruongtk@gmail.com](mailto:namtruongtk@gmail.com)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận qua Email: [namtruongtk@gmail.com](mailto:namtruongtk@gmail.com) (bản scan)
  - Nhận trực tiếp tại Trung Tâm Y tế huyện Đak Pơ, địa chỉ: 100 Võ Nguyên Giáp, Tổ dân phố 2, Thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, Tỉnh Gia Lai (bản chính).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 15 giờ 00 ngày 17 tháng 4 năm 2024 đến trước 15 giờ 00 ngày 26 tháng 4 năm 2024.**  
Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày kết thúc nhận báo giá.

### II/ Nội dung báo giá:

- Danh mục : (Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm theo Thư mời).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website TT (đăng tin);
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Ngọc Hải

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

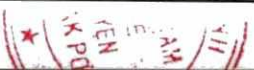
( Kèm theo thư mời số 09 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Trung tâm y tế huyện Đắk Pơ)

| STT | Danh mục hàng hóa                          | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 1   | Airway các số                              | Size 0-60mm-đen Size 1-70mm-trắng Size 2-80mm-xanh lá Size 3-90mm-vàng Size 4-100mm-đỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 60       |
| 2   | Băng cuộn (0,09*2.5)m                      | Sản phẩm được làm từ sợi cotton kiểu dệt thoi đã loại mỡ, tẩy trắng, sấy khô, hút nước được, không mang mầm bệnh nấm mốc, không gây độc hại cho người sử dụng và tuân theo Thông tư số 32/2009/TT - BCT ngày 5 tháng 11 năm 2009 quy định tạm thời về giới hạn cho phép đối với hàm lượng Formaldehyd, các amin thom có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm Azo trong các điều kiện thử nghiệm trên sản phẩm dệt may, kích thước 0,09 * 2,5 m | Việt Nam                    | Cuộn        | 1,500    |
| 3   | Băng keo Urgo loại lớn hoặc tương đương    | vải lụa màu trắng, bề mặt phải sạch, đường cắt gọn gàng. Độ dính: chất kết dính nóng chảy đều trên mặt cotton. Trọng lượng vải đàn hồi dự phòng: 115+_5g/m2. Khối lượng chất kết dính: 40+_5g/m2. Lực khi bóp keo không dưới 1,0 N/cm. Độ dính không dưới 2,5mm. Dư lượng: không có dư chất dính sau khi để khô 30 phút. Ở xi kềm không dưới 2,0 %, tiêu chuẩn dùng cho y tế; Size 2,5cm x 5m.                                             | Việt Nam                    | Cuộn        | 3,000    |
| 4   | Băng thun 2 móc                            | Hộp/12 cuộn, Băng thun co giãn 2 móc size: 7,5cm *5,5m                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Việt Nam                    | Cuộn        | 300      |
| 5   | Bóng đèn hồng ngoại                        | Hộp 1 cái                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Việt Nam                    | cái         | 5        |
| 6   | Bóp bóng ambu người lớn                    | Hộp 1 cái                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trung Quốc hoặc tương đương | cái         | 10       |
| 7   | Bộ Bốc Thút Tháo Inox                      | Bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Việt Nam                    | bộ          | 2        |
| 8   | Bộ huyết áp (đồng hồ - tai nghe) người lớn | Hộp 1 bộ gồm : 01 đồng hồ + 1 tai nghe ; Đã có kiểm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhật Bản hoặc tương đương   | Cái         | 30       |

| STT | Danh mục hàng hóa                      | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                                                  | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 9   | Bộ huyết áp (đồng hồ - tai nghe trẻ em | Hộp 1 bộ gồm : 01 đồng hồ + 1 tai nghe ; Đã có kiểm định                                                                                                                           | Nhật Bản hoặc tương đương   | Cái         | 10       |
| 10  | Bộ huyết áp điện tử                    | Hộp 1 cái                                                                                                                                                                          | Nhật Bản hoặc tương đương   | cái         | 5        |
| 11  | Bộ súc rửa da dày cao su               | size nhỏ: 22mm, size lớn: 28mm                                                                                                                                                     | Trung Quốc hoặc tương đương | Bộ          | 5        |
| 12  | Bông hút y tế 100g                     | 100% sợi cotton, kích thước 100g, màu sắc đồng nhất, không mùi, không có tạp chất cơ học nhìn thấy được, không gây kích ứng da khi sử dụng, không mang mầm bệnh nấm mốc, đạt TCCS. | Việt Nam                    | Gói         | 250      |

| STT | Danh mục hàng hóa | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 13  | Bột bó (6 in)     | Size: 10cm*4,5m; 15cm*4,5m                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Trung Quốc hoặc tương đương | Cuộn        | 250      |
| 14  | Bom tiêm 1 cc     | Dung tích 1ml, cỡ kim 26G x 1/2"; 25G x 5/8"; 25G x 1"; 30G x 1/2" theo yêu cầu. Vạch số 0 của thang chia trên xy lanh khớp với vạch chuẩn của Piston. Chiều dài cán đẩy của Piston đủ để Piston trượt theo chiều dài có vạch chia của vỏ bom tiêm. Khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng cao su (đầu bít Piston). Bom được làm bằng chất liệu nhựa PP, - Thân: Làm từ nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không có chất phụ gia màu trắng đục, không có chất màu trắng đục, không có chất DEHP. Có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.tiết trùng bằng khí E.O. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu. | Việt Nam                    | Cây         | 15,000   |
| 15  | Bom tiêm 10 cc    | Dung tích 10ml, cỡ kim 25G x 1"; 23G x 1" theo yêu cầu. Vạch số 0 của thang chia trên xy lanh khớp với vạch chuẩn của Piston. Chiều dài cán đẩy của Piston đủ để Piston trượt theo chiều dài có vạch chia của vỏ bom tiêm. Khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng cao su (đầu bít Piston). Bom được làm bằng chất liệu nhựa PP, - Thân: Làm từ nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không có chất phụ gia màu trắng đục, không có chất DEHP. Có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.tiết trùng bằng khí E.O. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu.                                                       | Việt Nam                    | Cây         | 35,000   |

| STT | Danh mục hàng hóa          | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nước sản xuất | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|----------|
| 16  | Bom tiêm 20 cc             | Bom tiêm nhựa liền kim dung tích 20ml, cỡ kim 23G; 25G theo yêu cầu. Vạch số 0 của thang chia trên xy lanh khớp với vạch chuẩn của Piston. Chiều dài cần đẩy của Piston đủ để Piston trượt theo chiều dài có vạch chia của vỏ bom tiêm. Khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng cao su (đầu bịt Piston). Bom được làm bằng chất liệu nhựa PP, - Thân: Làm từ nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không có chất phụ gia màu trắng đục, không có chất DEHP. Có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng,tiệt trùng bằng khí E.O. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu hoặc tương đương                                                 | Việt Nam      | Cây         | 36,000   |
| 17  | Bom tiêm 3 cc              | Dung tích 3ml, cỡ kim 25G x 1"; 25G x 5/8"; 23G x 1" theo yêu cầu. Vạch số 0 của thang chia trên xy lanh khớp với vạch chuẩn của Piston. Chiều dài cần đẩy của Piston đủ để Piston trượt theo chiều dài có vạch chia của vỏ bom tiêm. Khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng cao su (đầu bịt Piston). Bom được làm bằng chất liệu nhựa PP, - Thân: Làm từ nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không có chất phụ gia màu trắng đục, không có chất DEHP. Có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng,tiệt trùng bằng khí E.O. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu hoặc tương đương. Có 2 loại kim: 1. Kim khóa vặn 2. Kim khóa trượt | Việt Nam      | Cây         | 30,000   |
| 18  | Bom tiêm 5 cc              | Dung tích 5ml, cỡ kim 25G x 1"; 25G x 5/8"; 23G x 1" theo yêu cầu. Vạch số 0 của thang chia trên xy lanh khớp với vạch chuẩn của Piston. Chiều                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Việt Nam      | Cây         | 70,000   |
| 19  | Bom tiêm 50 cc đầu kim nhỏ | Dung tích 50ml, cỡ kim theo yêu cầu. Vạch số 0 của thang chia trên xy lanh khớp với vạch chuẩn của Piston. Chiều dài cần đẩy của Piston đủ để                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Việt Nam      | Cây         | 100      |
| 20  | Bom tiêm 50 cho ăn         | Dung tích 50ml, cỡ kim theo yêu cầu. Vạch số 0 của thang chia trên xy lanh khớp với vạch chuẩn của Piston. Chiều dài cần đẩy của Piston đủ để Piston trượt theo chiều dài có vạch chia của vỏ bom tiêm. Khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng cao su (đầu bịt Piston). Bom được làm bằng chất liệu nhựa PP, Thân: Làm từ nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không có chất phụ gia màu trắng đục, không có chất DEHP. Có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng,tiệt trùng bằng khí E.O. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu hoặc tương đương                                                                                   | Việt Nam      | Cây         | 100      |



| STT | Danh mục hàng hóa          | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                      | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 21  | Cáp điện tím               | Hộp 1 bộ                                                                                                               | Trung Quốc hoặc tương đương | Bộ          | 15       |
| 22  | Cồn 90                     | Can/30 lít, tiêu chuẩn y tế                                                                                            | Việt Nam                    | Lít         | 300      |
| 23  | Chén chung inox            | Ø 8 x 5 cm, Ø 9 x 2 cm                                                                                                 | Việt Nam                    | Cái         | 10       |
| 24  | Chi Chromic 2/0 kim 36mm   | Chi tiêu thiên nhiên tan chậm 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 36                                    | Việt Nam                    | Tép         | 300      |
| 25  | Chi Chromic 3/0 kim 26mm   | Chi tiêu thiên nhiên tan nhanh 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chi 75cm chiều dài kim 36                                    | Việt Nam                    | Tép         | 300      |
| 26  | Chi Daiflon size 1.0 - 4.0 | Tép                                                                                                                    | Việt Nam                    | Tép         | 50       |
| 27  | Chi Nylon 1/0 kim tròn     | Chi không tiêu đơn sợi Nylon màu xanh dương 1/0 kim 3/8 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 40. Kim phủ silicon          | Việt Nam                    | Tép         | 40       |
| 28  | Chi Nylon 2/0 kim tam giác | Chi không tiêu đơn sợi Nylon màu xanh dương 2/0 kim tam giác 1/2 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 26. Kim phủ silicon | Việt Nam                    | Tép         | 100      |
| 29  | Chi Nylon 2/0 kim tròn     | Chi không tiêu đơn sợi Nylon màu xanh dương 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 26. Kim phủ silicon     | Việt Nam                    | Tép         | 100      |
| 30  | Chi Nylon 3/0 kim tam giác | Chi không tiêu đơn sợi Nylon màu xanh dương 3/0 kim tam giác 1/2 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 26. Kim phủ silicon | Việt Nam                    | Tép         | 100      |
| 31  | Chi Silk 2/0 kim tam giác  | Chi không tiêu thiên nhiên đa sợi 2/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 26. Kim phủ silicon           | Việt Nam                    | Tép         | 500      |
| 32  | Chi Silk 3/0 kim tam giác  | Chi không tiêu thiên nhiên đa sợi 3/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 26. Kim phủ silicon           | Việt Nam                    | Tép         | 400      |
| 33  | Chi Silk 5/0 kim tam giác  | Chi không tiêu thiên nhiên đa sợi 5/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 16. Kim phủ silicon           | Việt Nam                    | Tép         | 250      |
| 34  | Chi Vicryl 1/0             | Hộp/12 tép, chứa triclosan, số 1, chi dài 90cm, kim tròn Austenitic 321, phủ phủ silicone, dài 40mm.                   | Mỹ hoặc tương đương         | Sợi         | 50       |
| 35  | Chi Vicryl 2/0             | Hộp/12 tép, chứa triclosan, 2/0, chi dài 75cm, kim tròn Austenitic 321, phủ silicone, dài 26mm                         | Mỹ hoặc tương đương         | Sợi         | 50       |
| 36  | Chi Vicryl size 6.0; 7.0   | Hộp 12 tép                                                                                                             | Việt Nam                    | Tép         | 20       |
| 37  | Dao mổ 11                  | Hộp 100 cái, thép không gỉ, lưỡi dao hình cong                                                                         | Ấn Độ hoặc tương đương      | Cái         | 200      |
| 38  | Dây Garo (Ga rô)           | Thành phần: thun cotton, có gai dán. Bì/10 cái                                                                         | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 200      |

| STT | Danh mục hàng hóa                  | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 39  | Dây Oxy 2 nhánh người lớn          | Size L, Bi/1 sợi, Thùng/100 sợi. Chất liệu: PVC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Trung Quốc hoặc tương đương | Sợi         | 1,000    |
| 40  | Dây Oxy 2 nhánh trẻ em             | Size S, Bi/1 sợi, Thùng/100 sợi. Chất liệu: PVC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Trung Quốc hoặc tương đương | Sợi         | 500      |
| 41  | Dây truyền dịch                    | Túi 1 bộ, Kèm bộ kim 2 cánh bướm số 22G*1"; có cổng chữ Y để tiêm thuốc; dây dài >=1800mm bằng nhựa PVC cao cấp + silicon trắng mờ, dẻo, không gấp, không chất DEHP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Việt Nam                    | Sợi         | 7,000    |
| 42  | Dây xung điện châm cứu             | Hộp 1 bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trung Quốc hoặc tương đương | Bộ          | 50       |
| 43  | Đai cổ định xương đòn NL           | Bi/1 cái, size: 1,2,3,4,5,6,7,8,9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Việt Nam                    | Cái         | 80       |
| 44  | Đai cổ định xương đòn TE           | Bi/1 cái, size: 1,2,3,4,5,6,7,8,10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Việt Nam                    | Cái         | 60       |
| 45  | Đè lưới gỗ                         | Hộp/100 cái, Thùng/50 hộp. Que: làm từ gỗ cây Bò Đẻ nhựa thơm, thốt mìn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Được hấp chín, sấy khô và đánh bóng. Túi đựng: sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Sản phẩm đã được tiệt trùng từng cái bằng khí EO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Việt Nam                    | Cái         | 40,000   |
| 46  | Điện cực kẹp chi điện tim          | Bộ ( 04 cái)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Trung Quốc hoặc tương đương | Bộ          | 3        |
| 47  | Gạc mét (khổ 0,8m)                 | Bi 100 mét; Sản phẩm được làm từ sợi cotton kiểu dệt thoi đã loại mỡ, tẩy trắng, sấy khô, hút nước được, không mang mầm bệnh nấm mốc, không gây độc hại cho người sử dụng. Size: 80cm*100cm. ( bi 10 mét)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Việt Nam                    | Mét         | 800      |
| 48  | Găng tay chưa tiệt trùng số 7; 7,5 | Kiểu: type 1 chế tạo từ latex cao su tự nhiên. Dạng găng ngón tay cong. Bề mặt nhám toàn bộ mặt bên ngoài găng. Size 7 chiều rộng: 89+_5, chiều dài: 282+_7, chiều dày 1 lớp: 0,15:0,20. Size 7,5 chiều rộng: 95+_5, chiều dài: 282+_7, chiều dày 1 lớp: 0,15:0,20. Lực kéo đứt nhỏ nhất đạt trước giả hóa: 13N. Khả năng giãn dài nhỏ nhất đạt trước giả hóa: 800%. Cường lực định giãn tốioodda cho phép tại độ giãn dài 300% trước giả hóa: 1,0N. Lực kéo đứt nhỏ nhất đạt sau giả hóa: 11N. Khả năng giãn dài nhỏ nhất đạt sau giả hóa: 600%. Tiệt trùng với bức xạ Gamma (nguồn Cobalt 60). Tiệt trùng với Ethylene Oxide (EO). Mức an toàn vô trùng: <= 1/1.000.000 | Việt Nam                    | Đôi         | 70,000   |

| STT | Danh mục hàng hóa                            | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 49  | Găng tay tiết trùng số 7; 7,5                | Kiểu: type 1 chế tạo từ latex cao su tự nhiên. Dạng găng ngón tay cong. Bề mặt nhám toàn bộ mặt bên ngoài găng. Size 7 chiều rộng: 89+_5, chiều dài: 282+_7, chiều dày 1 lớp: 0,15:0,20. Size 7,5 chiều rộng: 95+_5, chiều dài: 282+_7, chiều dày 1 lớp: 0,15:0,20. Lực kéo đứt nhỏ nhất đạt trước già hóa: 13N. Khả năng giãn dài nhỏ nhất đạt trước già hóa: 1,0N. Lực kéo đứt nhỏ nhất đạt sau già hóa: 11N. Khả năng giãn dài nhỏ nhất đạt sau già hóa: 600%. Tiết trùng với bức xạ Gamma (nguồn Cobalt 60). Tiết trùng với Ethylene Oxide (EO). Mức an toàn vô trùng: <= 1/1.000.000 | Việt Nam                    | Đôi         | 30,000   |
| 50  | Gel siêu âm xanh                             | Can/5 lít, Không có Formaldehyde. Vô khuẩn, không gây mất cảm hoặc rất da.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Việt Nam                    | Can         | 20       |
| 51  | Giấy điện tim 3 cần 80 x 20                  | Size 80mm*20m                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Malaysia hoặc tương đương   | Cuộn        | 200      |
| 52  | Giấy siêu âm đen trắng Sony hoặc tương đương | Giấy siêu âm đen trắng UPP-110s, size: 110mm*20m                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nhật Bản hoặc tương đương   | Cuộn        | 70       |
| 53  | Hộp inox hình chữ nhật kt: (23 x5            | Kích thước (23x5)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Việt Nam                    | Cái         | 5        |
| 54  | Hộp inox hình chữ nhật kt: (33 x6            | Kích thước (33x6)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Việt Nam                    | Cái         | 5        |
| 55  | Kéo cắt chỉ                                  | Thép không gỉ, đúng tiêu chuẩn y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Pakistan hoặc tương đương   | Cái         | 10       |
| 56  | Kéo thẳng nhọn 18 cm                         | Hộp/25 cái                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Pakistan hoặc tương đương   | Cái         | 20       |
| 57  | Kẹp ròn Mebiphar                             | Hộp/50 cái. Độ bám chặt của hai nhánh cao. Không có hiện tượng chảy máu sau 24 giờ. Sản phẩm được tiết trùng bằng công nghệ tiên tiến. Đảm bảo vô trùng tuyệt đối an toàn khi sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 100      |
| 58  | Kim châm cứu số 1                            | Kim châm cứu số 1: size 0,30*13mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trung Quốc hoặc tương đương | Cây         | 30,000   |
| 59  | Kim châm cứu số 2                            | Kim châm cứu số 2: size 0,30*25mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trung Quốc hoặc tương đương | Cây         | 80,000   |
| 60  | Kim châm cứu số 3                            | Kim châm cứu số 3: size 0,30*30mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trung Quốc hoặc tương đương | Cây         | 90,000   |

| STT | Danh mục hàng hóa                  | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                            | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 61  | Kim châm cứu số 5                  | Kim châm cứu số 4: size 0,30*50mm                                                                                                                            | Trung Quốc hoặc tương đương | Cây         | 50,000   |
| 62  | Kim chọc dò tủy sống số 18         | Bi 1 cái, Thép không gỉ, tiết trùng và đáp ứng đủ tiêu chuẩn y tế.                                                                                           | Hàn Quốc hoặc tương đương   | Cây         | 20       |
| 63  | Kim kẹp kim                        | Thép không gỉ, đúng tiêu chuẩn y tế                                                                                                                          | Pakistan hoặc tương đương   | Cái         | 10       |
| 64  | Kim lấy thuốc số 18                | Không buốt- Không độc- Không gây sốt. Sản xuất bởi thép không gỉ, nhựa y tế, không chất DEHP.                                                                | Việt Nam                    | Cây         | 20,000   |
| 65  | Kim luồn tĩnh mạch số 22           | Hộp/100 cây. Kim luồn tĩnh mạch số 22 có cánh, có cửa, có van bơm thuốc,                                                                                     | Ấn Độ hoặc tương đương      | Cây         | 5,000    |
| 66  | Kim luồn tĩnh mạch số 24           | Hộp/100 cây. Kim luồn tĩnh mạch số 24 có cánh, có cửa, có van bơm thuốc                                                                                      | Ấn Độ hoặc tương đương      | Cây         | 7,000    |
| 67  | Kim luồn tĩnh mạch số 26           | Hộp/100 cây. Kim luồn tĩnh mạch số 26 có cánh, có cửa, có van bơm thuốc,                                                                                     | Ấn Độ hoặc tương đương      | Cây         | 2,000    |
| 68  | Khay inox hình chữ nhật kt: (30 x1 | Kích thước (30x15)                                                                                                                                           | Việt Nam                    | Cái         | 5        |
| 69  | Khay quả đậu Inox                  | Thép không gỉ, đúng tiêu chuẩn y tế; dung tích >=300ml                                                                                                       | Pakistan hoặc tương đương   | Cái         | 10       |
| 70  | Khóa 3 chạc có dây                 | Làm bằng nhựa nguyên sinh y tế, không độc, không gây sốt; kết nối chặt không rò rỉ dịch                                                                      | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 100      |
| 71  | Mask thở oxy người lớn             | Thùng/50 cái, Size: L, XL. Chất liệu: Nhựa y tế không độc                                                                                                    | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 300      |
| 72  | Mask thở oxy trẻ em                | Thùng/50 cái, Size: L, XL. Chất liệu: Nhựa y tế không độc                                                                                                    | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 100      |
| 73  | Máy điện châm                      | Nguồn điện 6V ( 4 pin x 1.5V ), Dạng xung: dạng dao động nghet sử dụng cả phần âm và dương, Tần số: 0.5HZ đến 50HZ, Biên độ xung ra: 90 đến 120V (+) (-) 10% | Việt Nam                    | cái         | 5        |
| 74  | Mặt nạ bóp bóng trẻ em             | Hộp 1 cái                                                                                                                                                    | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 10       |
| 75  | Mặt nạ bóp bóng Người lớn          | Hộp 1 cái                                                                                                                                                    | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 10       |
| 76  | Mặt nạ khí dung Người lớn          | Thùng/50 cái, Size: L, XL. Chất liệu: Nhựa y tế không độc                                                                                                    | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 500      |
| 77  | Mặt nạ khí dung trẻ em             | Thùng/50 cái, Size: S,M. Chất liệu: Nhựa y tế không độc                                                                                                      | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 200      |

| STT | Danh mục hàng hóa              | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                          | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 78  | Mặt nạ trẻ sơ sinh số 0,số1    | 01 Bóp bóng bằng silicon,01 Mặt nạ bằng silicon số # 0, 01 Túi trộn khí Oxy bằng PVC 600ml, 01 Dây dẫn Oxy 200cm, 01 Bộ Air way cỡ số 40, 50, 60mm                                                                                                         | Đài Loan hoặc tương đương   | Cái         | 5        |
| 79  | Miếng dán điện cực             | Bi/50 cái. Bề mặt kết dính rất chặt chẽ, độ bám dính thích hợp cho da, ngay cả khi da dính tạp chất. Tính dẫn truyền cao. Với sự giúp đỡ của các bề mặt tiếp xúc rộng giữa gel và da, đường truyền dẫn điện không bị ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài. | Thổ Nhĩ Kỳ hoặc tương đương | Cái         | 300      |
| 80  | Mỡ Vaseline                    | (Hộp 10 bịch)                                                                                                                                                                                                                                              | Việt Nam                    | Hộp         | 1,000    |
| 81  | Nẹp máng đốt sống cổ NL        | Đáp ứng tiêu chuẩn y tế; Bi/I cái, chất liệu vải bọc cotton                                                                                                                                                                                                | Việt Nam                    | Cái         | 30       |
| 82  | Nẹp máng đốt sống cổ TE        | Đáp ứng tiêu chuẩn y tế; Bi/I cái, chất liệu vải bọc cotton                                                                                                                                                                                                | Việt Nam                    | Cái         | 10       |
| 83  | Nẹp xương cẳng chân người lớn  | Đáp ứng tiêu chuẩn y tế; Bi/I cái                                                                                                                                                                                                                          | Việt Nam                    | Cái         | 100      |
| 84  | Nẹp xương cẳng chân trẻ em     | Đáp ứng tiêu chuẩn y tế; Bi/I cái                                                                                                                                                                                                                          | Việt Nam                    | Cái         | 100      |
| 85  | Nẹp xương cẳng tay người lớn   | Đáp ứng tiêu chuẩn y tế; Bi/I cái                                                                                                                                                                                                                          | Việt Nam                    | Cái         | 200      |
| 86  | Nẹp xương cẳng tay trẻ em      | Đáp ứng tiêu chuẩn y tế; Bi/I cái                                                                                                                                                                                                                          | Việt Nam                    | Cái         | 80       |
| 87  | Nẹp xương đùi người lớn        | Đáp ứng tiêu chuẩn y tế; Bi/I cái                                                                                                                                                                                                                          | Việt Nam                    | Cái         | 90       |
| 88  | Nẹp xương đùi trẻ em           | Đáp ứng tiêu chuẩn y tế; Bi/I cái                                                                                                                                                                                                                          | Việt Nam                    | Cái         | 60       |
| 89  | Núm điện cực tìm               | Hình thức đóng hộp: 6 điện cực ngực bằng kim loại + 6 nút hút cao su.                                                                                                                                                                                      | Trung Quốc hoặc tương đương | Bộ (6 núm)  | 3        |
| 90  | Nước sát khuẩn tay nhanh 500ml | Chai 500ml. Thành phần: Chlorhexidin Digluconate 0.5%, Alpha-Terpineol (chiết xuất từ tinh dầu trầm) 0.5%, Ethanol, Vitamin E, tá được dưỡng da.                                                                                                           | Việt Nam                    | Chai        | 100      |
| 91  | Nhiệt kế nách                  | Size M, Hộp/12 cái, Túi/720 cái                                                                                                                                                                                                                            | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 200      |
| 92  | Nhíp có mẫu 18cm               | Thép không gỉ, đúng tiêu chuẩn y tế                                                                                                                                                                                                                        | Pakistan hoặc tương đương   | cái         | 10       |
| 93  | Ống hút nhót người lớn         | Thông hút đàm nhớt, sử dụng 1 lần duy nhất, loại: Có khóa. Kích thước: Size 10,12,14,16,18                                                                                                                                                                 | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 200      |
| 94  | Ống hút nhót TE số 8 có nắp    | Thông hút đàm nhớt, sử dụng 1 lần duy nhất, loại: Có khóa. Kích thước: Size 8                                                                                                                                                                              | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 100      |
| 95  | Ống nội khí quản các số 3      | Được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương                                                                                                                                                                                                 | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |
| 96  | Ống nội khí quản các số 3.5    | Được làm từ chất liệu PVC mềm.                                                                                                                                                                                                                             | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |

| STT | Danh mục hàng hóa                              | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 97  | Ống nội khí quản các số 4                      | Được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương                                                                       | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |
| 98  | Ống nội khí quản các số 4.5                    | Được làm từ chất liệu PVC mềm                                                                                                    | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |
| 99  | Ống nội khí quản các số 5                      | Được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương                                                                       | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |
| 100 | Ống nội khí quản các số 5.5                    | Được làm từ chất liệu PVC mềm.                                                                                                   | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |
| 101 | Ống nội khí quản các số 6                      | Được làm từ chất liệu PVC mềm,                                                                                                   | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |
| 102 | Ống nội khí quản các số 6.5                    | Được làm từ chất liệu PVC mềm.                                                                                                   | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |
| 103 | Ống nội khí quản các số 7                      | Được làm từ chất liệu PVC mềm,                                                                                                   | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 20       |
| 104 | Panh kaly thẳng không mẫu                      | Túi 1 cái, thép không gỉ                                                                                                         | Pakistan hoặc tương đương   | Cái         | 10       |
| 105 | Panh kẹp kim khâu vết thương                   | Thép không gỉ, đúng tiêu chuẩn y tế                                                                                              | Pakistan hoặc tương đương   | cái         | 10       |
| 106 | Pen thẳng 18 cm có mẫu                         | Túi 1 cái, thép không gỉ                                                                                                         | Pakistan hoặc tương đương   | Cái         | 20       |
| 107 | Presep 2.5g                                    | Viên 2.5gam. Hộp/100 viên. Thành phần, hàm lượng hoạt tính: Sodium Dichloroisocyanurate Anhydrou (NaDCC) 50% (2,5g trên viên 5g) | Ireland hoặc tương đương    | Viên        | 1,500    |
| 108 | Phẫu tích                                      | Thép không gỉ, đúng tiêu chuẩn y tế                                                                                              | Pakistan hoặc tương đương   | Cái         | 10       |
| 109 | Phim X -Quang khô Laser SD-Q 10*12 inch Konica | Hộp/125 tấm                                                                                                                      | Nhật Bản hoặc tương đương   | Tấm         | 5,000    |
| 110 | Phim X -Quang khô Laser SD-Q 8*10 inch Konica  | Hộp/125 tấm                                                                                                                      | Nhật Bản hoặc tương đương   | Tấm         | 10,000   |
| 111 | Sonde foley 12                                 | Size: 12. Được làm từ cao su thiên nhiên, silicone trắng. Van nhựa hoặc van cao su                                               | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 100      |
| 112 | Sonde foley 14                                 | Size: 14. Được làm từ cao su thiên nhiên, silicone trắng. Van nhựa hoặc van cao su                                               | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 100      |
| 113 | Sonde foley 16                                 | Size: 16. Được làm từ cao su thiên nhiên, silicone trắng. Van nhựa hoặc van cao su                                               | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 100      |

| STT | Danh mục hàng hóa                   | Qui cách đóng gói, mô tả hàng hóa                                                                                                                                              | Nước sản xuất               | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 114 | Sonde foley Trẻ em                  | Size: 8,10. Được làm từ cao su thiên nhiên, silicone trắng. Van nhựa hoặc van cao su                                                                                           | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 30       |
| 115 | Túi đựng nước tiểu loại 250ml       | Dng tích: 250 ml, với ổ cấm phía dưới, ống hút gió 90 cm, val không trở lại với kéo đáy val. Khử trùng: khí EO. Công dụng: Túi chứa nước tiểu của bệnh nhân thông qua ống dẫn. | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 500      |
| 116 | Thông dạ dày người lớn (dây cho ăn) | vỏ trùng, không độc hại. Kích thước: Số 10,12,14,16,18                                                                                                                         | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 150      |
| 117 | Thông dạ dày trẻ em                 | vỏ trùng, không độc hại. Kích thước: Số 6, 8                                                                                                                                   | Trung Quốc hoặc tương đương | Cái         | 30       |
| 118 | Thông hậu môn người lớn             | Chất liệu PVC Y tế - đã tiệt trùng bằng khí Ethylen Oxit.                                                                                                                      | Trung Quốc hoặc tương đương | Sợi         | 50       |
| 119 | Thông hậu môn trẻ em                | Chất liệu PVC Y tế - đã tiệt trùng bằng khí Ethylen Oxit.                                                                                                                      | Trung Quốc hoặc tương đương | Sợi         | 50       |
| 120 | Thông tiểu Nelaton                  | Sond Nelaton-thông tiểu 1 nhánh màu vàng kem Size: 8,10,12,14,16,18                                                                                                            | Trung Quốc hoặc tương đương | Sợi         | 50       |



DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ SINH PHẨM XÉT NGHIỆM

( Kèm theo thư mời số 09 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Trung tâm y tế Đak Pơ)

| STT | Danh mục hàng hóa       | Hãng sản xuất, nước sản xuất    | Quy cách, đặc tính kỹ thuật, mô tả hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|-------------|----------|
| 1   | ALB                     | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 10x44ml                                     | Hộp         | 2        |
| 2   | ALT/GPT                 | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 6x44ml, R2: 6x11ml                      | Hộp         | 3        |
| 3   | AST/GOT                 | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 6x44ml, R2: 6x11ml                      | Hộp         | 3        |
| 4   | CREA ENZ                | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 2x50ml, R2: 2x50ml                      | Hộp         | 3        |
| 5   | CHOL                    | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 10x44ml                                     | Hộp         | 4        |
| 6   | ERBA NORM               | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 4x5ml, R2: 1x20ml                       | Hộp         | 6        |
| 7   | GLU                     | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 10x44ml                                     | Hộp         | 4        |
| 8   | HBA1c                   | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 1x24ml, R2: 1x8+4ml                     | Hộp         | 3        |
| 9   | HBA1c CAL SET           | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 4 x 0.25ml                                  | Hộp         | 2        |
| 10  | HBA1c CON H             | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 1 x 0.25ml                                  | Hộp         | 2        |
| 11  | HDL C                   | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 4x30ml, R2: 4x10ml                      | Hộp         | 1        |
| 12  | HDL/LDL CAL             | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 2x1ml                                       | Lọ          | 3        |
| 13  | LDL C                   | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 2x30ml, R2: 2x10ml                      | Hộp         | 2        |
| 14  | TG                      | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 10x44ml                                     | Hộp         | 4        |
| 15  | TP                      | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 10x44ml                                     | Hộp         | 2        |
| 16  | UA                      | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 10x44ml                                     | Hộp         | 4        |
| 17  | UREA                    | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 5x44ml, R2: 5x11ml                      | Hộp         | 3        |
| 18  | Wash solution           | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 4x100ml                                     | Thùng       | 5        |
| 19  | XL AUTOWASHAC/AL        | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | R1: 5 x 44 ML, R2: 5 x 44 ML                | Hộp         | 1        |
| 20  | XI Mutical              | Cộng hòa Czech hoặc tương đương | 4x3ml                                       | Hộp         | 10       |
| 21  | Dung Dịch CLEANAC 710   | Nhật Bản hoặc tương đương       | Can 2 lít                                   | Can         | 40       |
| 22  | Dung Dịch CLEANAC 810   | Nhật Bản hoặc tương đương       | 3 lọ x15 mL                                 | Hộp         | 30       |
| 23  | Dung Dịch HEMOLYNAC 310 | Nhật Bản hoặc tương đương       | Can 250 mL                                  | Can         | 40       |

| STT | Danh mục hàng hóa                            | Hãng sản xuất, nước sản xuất | Quy cách, đặc tính kỹ thuật, mô tả hàng hóa                                            | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 24  | Dung Dịch HEMOLYNAC 510                      | Nhật Bản hoặc tương đương    | Can 250 mL                                                                             | Can         | 40       |
| 25  | Dung dịch Isotonac3                          | Nhật Bản hoặc tương đương    | Thùng 18 lít                                                                           | Thùng       | 40       |
| 26  | Máu chuẩn 5DH                                | Mỹ hoặc tương đương          | Lọ 3 ml                                                                                | Lọ          | 3        |
| 27  | Máu chuẩn 5DL                                | Mỹ hoặc tương đương          | Lọ 3 ml                                                                                | Lọ          | 3        |
| 28  | Máu chuẩn 5DN                                | Mỹ hoặc tương đương          | Lọ 3 ml                                                                                | Lọ          | 3        |
| 29  | Máu chuẩn MEK-3DN                            | Mỹ hoặc tương đương          | Lọ 2ml                                                                                 | Lọ          | 5        |
| 30  | Control máy huyết học (thấp, trung bình,cao) | Mỹ hoặc tương đương          | 6x3 mL                                                                                 | Lọ          | 1        |
| 31  | Anti- A                                      | Tây Ban Nha hoặc tương đương | Lọ 10 ml                                                                               | Lọ          | 10       |
| 32  | Anti- AB                                     | Tây Ban Nha hoặc tương đương | Lọ 10 ml                                                                               | Lọ          | 10       |
| 33  | Anti- B                                      | Tây Ban Nha hoặc tương đương | Lọ 10 ml                                                                               | Lọ          | 10       |
| 34  | Anti- D                                      | Tây Ban Nha hoặc tương đương | Lọ 10 ml                                                                               | Lọ          | 5        |
| 35  | Đầu col vàng                                 | Trung Quốc hoặc tương đương  | Kích thước: 0-200ul. Bì 1000 cái                                                       | Cái         | 5,000    |
| 36  | Đầu col xanh                                 | Trung Quốc hoặc tương đương  | Kích thước: 0-1000ul. Bì 500 cái                                                       | Cái         | 5,000    |
| 37  | Giấy in máy huyết học                        | Trung Quốc hoặc tương đương  | 57mm x 20m. Bì 01 cuộn                                                                 | Cuộn        | 500      |
| 38  | Giấy in máy nước tiểu I1 thông số            | Malaysia hoặc tương đương    | 50mm x 25m. Bì 01 cuộn                                                                 | Cuộn        | 200      |
| 39  | Kim trích máu                                | Trung Quốc hoặc tương đương  | Hộp 200 cái                                                                            | cái         | 2,000    |
| 40  | Nước cất                                     | Việt Nam                     | Can 10 lít                                                                             | Lít         | 60       |
| 41  | Ông nghiệm EDTA nắp cao su                   | Việt Nam                     | 2,400 ông/thùng                                                                        | Cái         | 50,000   |
| 42  | Ông nghiệm nhựa có nắp                       | Việt Nam                     | 500 Ông/ Bịch                                                                          | Cái         | 5,000    |
| 43  | Sample Cup                                   | Trung Quốc hoặc tương đương  | Kích thước: (dài) 3.8cm x (đường kính miệng) 1.6cm x (đường kính đáy) 1cm. Gói 500 cái | cái         | 2,000    |
| 44  | Micro tube                                   | Trung Quốc hoặc tương đương  | Gói 500 cái                                                                            | cái         | 5,000    |
| 45  | Test Anti HCV                                | Trung Quốc hoặc tương đương  | Hộp 25 test                                                                            | Test        | 500      |
| 46  | Test Dengue NS1Ag                            | Mỹ hoặc tương đương          | Hộp 30 test                                                                            | Test        | 8,000    |
| 47  | Test H.Pylory                                | Mỹ hoặc tương đương          | Hộp 25 test                                                                            | Test        | 600      |
| 48  | Test HBSAg                                   | Mỹ hoặc tương đương          | Hộp 50 test                                                                            | Test        | 1,000    |
| 49  | Test HIV                                     | Hàn Quốc hoặc tương đương    | Hộp 25 test                                                                            | Test        | 600      |
| 50  | Test máy đường huyết cầm tay                 | Hàn Quốc hoặc tương đương    | Hộp 50 test                                                                            | Test        | 5,000    |
| 51  | Test nước tiểu I1 thông số                   | Hàn Quốc hoặc tương đương    | Hộp 100 test                                                                           | Test        | 2,500    |